THỂ LỆ
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI "TÍCH ĐIỂM ĐỔI QUÀ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT VPBANK LOYALTY H2.2026"

Điều 1. Tên chương trình: ***"Tích điểm đổi quà dành cho Khách hàng thân thiết – VPBank Loyalty H2.2026".***

Điều 2. Hàng hóa dịch vụ áp dụng khuyến mại: Sản phẩm thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử; các sản phẩm, dịch vụ của VPBank được Khách hàng sử dụng để đáp ứng tiêu chí phân hạng Hội viên VPBank Diamond & Pre-Private theo quy định về việc định danh khách hàng của VPBank thỏa điều kiện trong thời gian diễn ra chương trình khuyến mại được quy định tại khoản 4, Điều 10 Thể lệ này.

Điều 3. Thời gian thực hiện chương trình: Từ ngày 01/07/2026 đến hết ngày 31/12/2026 hoặc hết tổng giá trị chương trình, tùy điều kiện nào đến trước.

Điều 4. Khách hàng của chương trình khuyến mại: Khách hàng cá nhân có sử dụng sản phẩm, dịch vụ của VPBank được quy định tại Khoản 1, Điều 10 Thể lệ này.

Điều 5. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại: Hệ thống VPBank trên toàn quốc.

Điều 6. Hình thức khuyến mại: Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác

Điều 7. Tổng giá trị giải thưởng: 51,304,488,190 VNĐ *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm chín mươi Việt Nam đồng../.)*

Điều 8. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. ***VPBank:*** Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
2. ***Chương trình khuyến mãi Loyalty/ CTKM/ Loyalty VPBank:*** Là chương trình khuyến mãi tích điểm đổi quà dành cho Khách hàng thân thiết của VPBank
3. ***Sản phẩm:*** Là các sản phẩm, dịch vụ của VPBank cung cấp cho Khách hàng.
4. ***Khách hàng:*** Là cá nhân có sử dụng sản phẩm của VPBank.
5. ***Khách hàng ưu tiên (KHƯT):*** Là Khách hàng cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành Khách hàng ưu tiên theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ, được VPBank định danh trên hệ thống.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

6. ***Phân hạng Pre-Diamond/Diamond/Diamond Elite***: là các phân hạng Khách hàng Ưu Tiên theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.
7. ***Hội viên VPBank Prime:*** Là khách hàng cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành hội viên VPBank Prime theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ, được VPBank định danh trên hệ thống.
8. ***Phân hạng Champion:*** Là tên gọi của một phân hạng hội viên VPBank Prime theo quy định của VPBank theo từng thời kỳ.
9. **KH Pre-Private/KH Private trải nghiệm**: Là Khách hàng cá nhân hiện hữu đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành Khách hàng Private trải nghiệm theo quy định của VPBank từng thời kỳ và đã được VPBank định danh trên hệ thống.
10. ***ĐVKD:*** Là Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Trung tâm dịch vụ khách hàng cá nhân và các Đơn vị có chức năng kinh doanh khác được VPBank thành lập trong từng thời kỳ.
11. ***Chính sách tích điểm/Tích điểm LynkiD/Tích điểm:*** Là chính sách của VPBank dành cho Khách hàng, theo đó, khi sử dụng các sản phẩm tại VPBank, tùy theo sản phẩm, điều kiện giao dịch mà Khách hàng sử dụng/thanh toán, Khách hàng sẽ được tích lũy điểm tương ứng. Điểm tích lũy của Khách hàng khi đạt mức nhất định có thể được quy đổi sang quà (hàng hóa, phiếu mua hàng, phiếu giảm giá,…) trên ứng dụng LynkiD theo quy định của VPBank từng thời kỳ
12. ***Tổng tài sản của Khách hàng (AUM):*** Là tổng số dư tiền gửi tiết kiệm trung bình tháng; số dư tài khoản thanh toán trung bình tháng; giá trị trái phiếu; chứng chỉ tiền gửi trung bình tháng do VPBank phát hành; giá trị chứng chỉ quỹ, các sản phẩm đầu tư khác của Khách hàng tại tổ chức khác có thể quy đổi thành tiền.
13. ***TOI:*** **Doanh thu thuần của khách hàng mang lại cho ngân hàng**
14. ***LinkiD:*** Là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Công nghệ LinkID, đối tác cung cấp dịch vụ quản lý cấp điểm và đổi quà, vận hành chương trình khuyến mãi đại diện cho VPBank
15. ***Điểm LynkiD:*** Là điểm thưởng được tích cho Khách hàng theo chương trình khuyến mãi.
16. ***Ứng dụng LynkiD/ LynkiD***: Là một sản phẩm do Đối tác của VPBank là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Công nghệ LinkID quản lý và vận hành, cho phép Khách hàng sử dụng điểm LynkiD được tích lũy để đổi hàng hóa, dịch vụ trên LynkiD theo các điều kiện và điều khoản của từng hàng hóa, dịch vụ

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

17. ***Nhà cung cấp***: Là các đối tác cung cấp sản phẩm quà tặng, dịch vụ của LinkiD, do LinkiD quản lý

Điều 9. Mô tả về CTKM tích Điểm LynkiD

CTKM tích Điểm LynkiD được VPBank triển khai trên cơ sở hợp tác và sử dụng dịch vụ khuyến mại của LynkiD, trong đó:

a) VPBank đóng vai trò là thương nhân thực hiện CTKM và quản lý việc tích Điểm LynkiD cho Khách hàng theo Thể lệ và Phụ đính này.

b) LynkiD đóng vai trò là thương nhân cung cấp dịch vụ khuyến mại cho VPBank để thực hiện CTKM tích Điểm LynkiD, theo đó:

(i) LynkiD thiết lập, quản lý ứng dụng/website LynkiD, đảm bảo ứng dụng/website LynkiD hoạt động phù hợp với quy định pháp luật có liên quan;

(ii) Quản lý Điểm LynkiD của Khách hàng tại VPBank do VPBank cấp trên hệ thống điểm thưởng của LynkiD. Khách hàng có thể sở hữu các điểm thưởng khác trên hệ thống điểm thưởng của LynkiD do LynkiD và/hoặc các đối tác của LynkiD cấp;

(iii) Quản lý việc Khách hàng sử dụng điểm thưởng tại LynkiD để đổi quà (bao gồm Điểm LynkiD cấp tại VPBank và các điểm thưởng khác do LynkiD và/hoặc các đối tác của LynkiD cấp).

(iv) Phát triển, kết nối các Nhà cung cấp và ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp cho các sản phẩm, dịch vụ sử dụng làm quà để Khách hàng đổi điểm thưởng tại LynkiD; chịu trách nhiệm xử lý các tranh chấp, khiếu nại có liên quan đến Nhà cung cấp.

(v) Đối soát giao dịch đổi điểm thưởng tại LynkiD thành quà tặng với các trường hợp Khách hàng sử dụng Điểm LynkiD do VPBank cấp;

Điều 10. Quy định về tích điểm VPBank LynkiD

Khi sử dụng sản phẩm tại VPBank, tùy theo sản phẩm mà Khách hàng sử dụng, điều kiện giao dịch mà Khách hàng thực hiện, Khách hàng sẽ được tích lũy điểm tương ứng, cụ thể như sau:

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

1. Sản phẩm áp dụng:

a) Sản phẩm Thẻ tín dụng;

b) Sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử

c) Sản phẩm/ dịch vụ/ chương trình áp dụng cho KH Pre-Private

- Sản phẩm tài khoản thanh toán;
- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ;
- Chương trình bán chéo tích điểm;

d) Sản phẩm/ dịch vụ/ chương trình áp dụng cho KHƯT VPBank Diamond

- Sản phẩm tài khoản thanh toán;
- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ;
- Chương trình bán chéo tích điểm;

e) Các chương trình bổ sung cho KH VPBank Diamond trong thời gian diễn ra khuyến mại (nếu có).

f) Chương trình áp dụng cho Khách hàng có phân hạng là Champion thuộc hội viên VPBank Prime.

2. Loại tiền áp dụng: VND

3. Cơ sở tính điểm tích lũy: Điểm tích lũy sẽ được quy đổi từ số lần giao dịch hoặc giá trị giao dịch thanh toán của từng sản phẩm tại Khoản 1 Điều này được ghi nhận thành công trên hệ thống của VPBank.

Đối với đồng ngoại tệ sẽ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tương ứng được quy định trong từng thời kỳ của VPBank.

4. Cách tính điểm tích lũy:

Dịch vụ ngân hàng điện tử: DỰA TRÊN GIÁ TRỊ QUA CÁC KÊNH NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ (không bao gồm 1 số ngành hàng loại trừ được quy định tại Phụ đính 02)	
Thanh toán hóa đơn trực tuyến, bao gồm các dịch vụ thanh toán hóa đơn: *điện, nước, internet- ADSL, di động trả sau, thanh toán học phí, thanh toán phí chung cư, và các loại dịch vụ thanh toán khác nằm trong danh mục "thanh toán hóa đơn" trên VPBank NEO.*	10.000đ= 2 *điểm*

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

(Khách hàng truy cập vào mục "thanh toán hóa đơn" trên ứng dụng VPBank NEO và tiến hành tiếp các bước đến khi giao dịch thành công).	
Nạp tiền điện thoại di động trực tuyến tới các nhà mạng viễn thông di động trên VPBank NEO	10.000đ= 10 *điểm*

THẺ TÍN DỤNG : DỰA TRÊN GIÁ TRỊ CHI TIÊU TẠI POS VÀ TRỰC TUYẾN

Loại thẻ	***Trong nước***	***Nước ngoài***	***Vào ngày sinh nhật***	***Vào ngày cuối tuần (T7, CN)***
Thẻ No1	1.000đ= 3 *điểm*	1.000đ= 4 *điểm*	1.000đ= 4 *điểm*	1.000đ= 4 *điểm*
Mobifone Platinum	1.000 đ= 6 *điểm*	1.000 đ= 7 *điểm*	1.000 đ= 7 *điểm*	
California Platinum	1.000 đ= 10 *điểm* (chỉ áp dụng tại FLG, bệnh viện) Còn lại: 1.000 đ= 5 *điểm*	1.000 đ= 10 *điểm*		
California Signature	1.000 đ= 14 *điểm* (chỉ áp dụng tại FLG, bệnh viện) Còn lại: 1.000 đ= 7 *điểm*	1.000 đ= 14 *điểm*		
MC2	Chỉ tiêu tại siêu thị 1.000đ= 6 *điểm.* Chi tiêu còn lại 1.000đ= 3 *điểm.*			

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

<table>
<tr><td>Platinum (chỉ áp dụng cho thẻ chính)</td><td colspan="4">Chi tiêu nhu cầu yếu phẩm (siêu thị, cửa hàng, tiện lợi,…) Spa và làm đẹp, vận tải, du lịch, ăn uống: 1.000đ= 12 điểm.
Chi tiêu còn lại: 1.000đ= 6 điểm.
Tặng 55.000 điểm nếu phát sinh ít nhất 8 giao dịch trong kỳ trước (Chỉ áp dụng chủ thẻ chính).</td></tr>
<tr><td>Thẻ VPBank Private VISA Infinite</td><td>1.000đ= 3 điểm</td><td>1.000đ = 6 điểm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>GameON Mastercard</td><td colspan="4">Thẻ VPBank GameON Mastercard
1. Chương trình Quà chào mừng (Chỉ áp dụng cho thẻ VPBank GameON Mastercard đầu tiên phát hành tại VPBank): Tích 400,000 điểm LynkiD cho Khách hàng (KH) mở mới thẻ VPBank GameON Mastercard (thẻ chính đầu tiên tại VPBank) và có tổng chi tiêu hợp lệ(*) từ 2 triệu VNĐ trở lên với ít nhất 2 giao dịch trong vòng 30 ngày phát hành thẻ được ghi nhận trên hệ thống của VPBank.
- Điều kiện KH: Áp dụng cho các khách hàng mở mới thẻ chính vật lý VPBank GameON Mastercard thứ nhất tại VPBank trong thời gian triển khai chương trình. Không áp dụng cho khách hàng đã có hạn mức tín dụng thẻ và thẻ tín dụng tại VPBank phát hành thêm thẻ tín dụng VPBank GameON Mastercard và không áp dụng cho khách hàng mở lại, thay thế hoặc gia hạn thẻ.
- Quà tặng chào mừng chỉ trao cho thẻ chính vật lý
- Tại thời điểm trao quà, thẻ chính vật lý của Khách hàng vẫn ở tình trạng hoạt động (Card OK)
- Mỗi Khách hàng chỉ được phát hành 01 lần quà chào mừng cho tất cả các thẻ tín dụng được phát hành tại VPBank.
2. Chương trình tích điểm theo chi tiêu mỗi kỳ sao kê
- Điều kiện áp dụng ưu đãi tặng Điểm: Khi Khách hàng (KH) thực hiện giao dịch hợp lệ bằng thẻ VPBank GameON Mastercard, KH được nhận điểm theo danh mục tặng điểm và tỷ lệ cụ thể như sau:
Nhóm 1: KH có tổng doanh số giao dịch thẻ hợp lệ trên 50 triệu đồng/kỳ sao kê:</td></tr>
</table>

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

Mục	Danh mục tặng điểm (*)	Tỷ lệ tặng Điểm/giá trị giao dịch thẻ hợp lệ	Số Điểm tặng tối đa/kỳ sao kê
(1)	Giao dịch giải trí số (như các gói giải trí trong game, mua vé xem phim, vé ca nhạc, thanh toán phí hội viên các nền tảng trực tuyến như Netflix, Spotify, YouTube Premium,...)	10%	400,000
(2)	Giao dịch tại các cửa hàng điện tử	10%	400,000
(3)	Giao dịch ăn uống và các giao dịch không tiếp xúc qua ví (như Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay,...)	5%	200,000
(4)	Giao dịch chi tiêu còn lại	0.1%	Không giới hạn

Nhóm 2: KH có tổng doanh số giao dịch thẻ hợp lệ trên 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng/kỳ sao kê:

Mục	Danh mục tặng điểm (*)	Tỷ lệ tặng Điểm /giá trị giao dịch thẻ hợp lệ	Số Điểm tặng tối đa/kỳ sao kê
(1)	Giao dịch giải trí số (như các gói giải trí trong game, mua vé xem phim, vé ca nhạc, thanh toán phí hội viên các nền tảng trực tuyến như Netflix, Spotify, YouTube Premium,...)	7%	300,000

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

(2)	Giao dịch tại các cửa hàng điện tử	7%	300,000
(3)	Giao dịch ăn uống và các giao dịch không tiếp xúc qua ví (như Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay,...)	3%	100,000
(4)	Giao dịch chi tiêu còn lại	0.1%	Không giới hạn

Nhóm 3: KH có tổng doanh số giao dịch thẻ hợp lệ từ 10 triệu đồng trở xuống/kỳ sao kê:

Mục	Danh mục tặng điểm (*)	Tỷ lệ tặng Điểm/giá trị giao dịch thẻ hợp lệ	Số Điểm tặng tối đa/kỳ sao kê
(1)	Giao dịch giải trí số (như các gói giải trí trong game, mua vé xem phim, vé ca nhạc, thanh toán phí hội viên các nền tảng trực tuyến như Netflix, Spotify, YouTube Premium,...)	5%	200,000
(2)	Giao dịch tại các cửa hàng điện tử	5%	200,000
(3)	Giao dịch ăn uống và các giao dịch không tiếp xúc qua ví (như Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay,...)	2%	50,000
(4)	Giao dịch chi tiêu còn lại	0.1%	Không giới hạn

(*) Danh mục tặng điểm sẽ tuân theo các mã danh mục được nêu tại Phụ đính 04 đính kèm Thể lệ này.

Ghi chú: 1 điểm = 1 VND

Quy định chi thưởng và xét chi tiêu hợp lệ

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

	- Thời gian tặng Điểm LynkiD cho Quà chào mừng: Điểm LynkiD sẽ được cộng vào tài khoản Khách hàng dựa trên các giao dịch thẻ phát sinh trong tháng T và việc thực hiện tính toán tặng điểm cho kỳ sao kê của tháng T sẽ diễn ra trong kỳ sao kê của tháng T+1. - Kỳ tích điểm theo chi tiêu sao kê của tháng T là từ ngày 27 tháng T-1 đến hết ngày 26 tháng T hoặc theo quy định mới của VPBank tại từng thời kỳ. - Thời gian cộng điểm cho kỳ tích điểm theo chi tiêu sao kê của tháng T là trước ngày 27 của tháng T+1 - Giao dịch thực hiện trong 30 ngày kể từ ngày phát hành thẻ trên hệ thống và được ghi nhận thành công về hệ thống VPBank trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát hành thẻ trên hệ thống VPBank. - Giao dịch hợp lệ là giao dịch phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân hợp pháp qua thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán (POS) hoặc giao dịch trực tuyến (online) tại các Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) và giao dịch được ghi nhận thành công trên hệ thống thẻ VPBank - Tổng doanh số giao dịch thẻ hợp lệ được tính trên Thẻ chính (thẻ vật lý và phi vật lý) và Thẻ phụ (thẻ vật lý và phi vật lý) trên cùng 01 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng VPBank GameON Mastercard (Hợp đồng thẻ VPBank GameON Mastercard). Tại thời điểm thực hiện xét điều kiện tổng doanh số giao dịch thẻ hợp lệ, VPBank sẽ loại trừ toàn bộ giao dịch của (các) thẻ đang không ở trạng thái hoạt động (Card OK) khi xác định tổng chi tiêu của KH trong kỳ sao kê.
Prestige	1.000đ= 9 *điểm*			
Thẻ 2in1 VPBank Flex Mastercard **1. Chương trình tích điểm theo chi tiêu trong 30 ngày đầu mở thẻ** *(Chỉ áp dụng cho thẻ VPBank Flex Mastercard đầu tiên phát hành tại VPBank)*				
Đối với đầu BIN 52039939 *(Credit)*	Tích 300.000 điểm cho KH mở mới thẻ và có tổng chi tiêu hợp lệ* trong 30 ngày đầu mở thẻ đạt 1.500.000đ.			
Đối với đầu BIN 52039579 *(Debit)*	Tích 150.000 điểm cho KH mở mới thẻ và có tổng chi tiêu hợp lệ* trong 30 ngày đầu mở thẻ đạt mức 500.000đ.			
2. Chương trình tích điểm theo chi tiêu mỗi kỳ sao kê				

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

<table>
<tr><td colspan="2">
- Khách hàng được lựa chọn 1 trong 4 gói ưu đãi: Ăn uống, du lịch, thể thao, mua sắm để tích điểm (các ngành hàng được tích điểm thuộc mỗi gói được quy định tại Phụ đính 03).
- Phụ thuộc gói ưu đãi gần nhất mà Khách hàng chọn trước thời gian xét tích điểm, Khách hàng sẽ được tích điểm tương ứng với tổng chi tiêu hợp lệ (*) trên thẻ trong mỗi kỳ xét tích điểm, theo tỉ lệ và điều kiện quy định bên dưới.
- Trong trường hợp chưa thực hiện thành công lần chọn lựa gói ưu đãi nào thì sẽ hưởng ưu đãi theo gói được đánh dấu mặc định tại thời điểm xét hoàn tiền (gói mặc định này có thể được cập nhật theo chính sách của VPBank trong từng thời kỳ và được thông báo trên trang web của VPBank).
- Kỳ tích điểm của tháng T là từ ngày 27 tháng T-1 đến hết ngày 26 tháng T.
- Thời gian cộng điểm cho kỳ tích điểm tháng T là trước ngày 27 của tháng T+1
</td></tr>
<tr><td>Đối với đầu BIN 52039939
(Credit)</td><td>Điều kiện tích điểm: Tổng chi tiêu hợp lệ(*) tại tất cả ngành hàng của Khách hàng trong kỳ tích điểm đạt từ 2.000.000đ.
Tỉ lệ tích điểm: 8% giá trị chi tiêu tại ngành hàng thuộc gói ưu đãi đã chọn
Giới hạn tích điểm: 500.000đ/kỳ</td></tr>
<tr><td>Đối với đầu BIN 52039579 (Debit)</td><td>Điều kiện tích điểm: Tổng chi tiêu hợp lệ(*) tại tất cả ngành hàng của Khách hàng trong kỳ tích điểm đạt từ 1.000.000đ.
Tỉ lệ tích điểm: 1% giá trị chi tiêu tại ngành hàng thuộc gói ưu đãi đã chọn
Giới hạn tích điểm: 200.000đ/kỳ</td></tr>
<tr><td colspan="2">* Không áp dụng với các giao dịch rút tiền mặt, phí lãi giao dịch mua xăng dầu, thanh toán hóa đơn sinh hoạt điện, ga, nước, dầu sưởi…; thanh toán dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp</td></tr>
<tr><td colspan="2">Thẻ tín dụng của khách hàng đăng kí thành công Tài khoản Hội viên thịnh vượng: Theo Thể lệ tài khoản hội viên thịnh vượng được VPBank ban hành trong từng thời kỳ (thời gian áp dụng từ 26/08/2026)</td></tr>
<tr><td colspan="2">CÁC SẢN PHẨM ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG PRE-PRIVATE</td></tr>
<tr><td>Tài khoản thanh toán (CASA)</td><td>1.000.000đ = 10 điểm
* Số dư bình quân tháng từ 2.000.000đ đến 40.000.000đ</td></tr>
</table>

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

	1.000.000đ = 20 *điểm* **** Số dư bình quân tháng từ 40.000.000đ trở lên***	
Chương trình bán chéo tích điểm khi tăng thêm sản phẩm/dịch vụ khác đồng thời (Tính theo tháng) (*) Danh sách chi tiết Sản phẩm/Dịch vụ tính điểm theo Bảng 02 đính kèm Thể lệ này	1 sản phẩm/ dịch vụ	5.000 *điểm*
	2 sản phẩm/ dịch vụ	6.000 *điểm*
	3 sản phẩm/ dịch vụ	7.000 *điểm*
	4 sản phẩm/ dịch vụ	8.000 *điểm*
	5 sản phẩm/ dịch vụ	9.000 *điểm*
	6 sản phẩm/ dịch vụ	10.000 *điểm*
	7 sản phẩm/ dịch vụ	11.000 *điểm*
CÁC SẢN PHẨM ÁP DỤNG CHO KHƯT (VPBank Diamond)		
Tài khoản thanh toán (CASA)	1.000.000đ = 10 *điểm* **** Số dư bình quân tháng từ 2.000.000đ đến 40.000.000đ***	
	1.000.000đ = 20 *điểm* **** Số dư bình quân tháng từ 40.000.000đ trở lên***	
Chương trình tri ân số năm giao dịch liên tục cùng VPBank Diamond phân hạng Diamond hoặc Diamond Elite kể từ ngày định danh (Tính theo năm)	Từ 1 - 3 năm	12.000 *điểm*
	Từ 3 - 5 năm	14.000 *điểm*
	Từ 5 - 8 năm	16.000 *điểm*
	> 8 năm	18.000 *điểm*
Chương trình Quà tặng sinh nhật phân hạng Diamond hoặc Diamond Elite	AUM>=20 tỷ Số dư bình quân CASA >= 5 tỷ	500.000 *điểm*
	AUM>=10 tỷ Số dư bình quân CASA >= 3 tỷ	400.000 *điểm*

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

(AUM/CASA bình quân tính đến tháng liền trước tháng sinh nhật)	AUM>=5 tỷ Số dư bình quân CASA >= 500 triệu	350.000 *điểm*
	AUM>= 1 tỷ Số dư bình quân CASA >= 150 triệu	220.000 *điểm*
Chương trình gia tăng phân hạng (Mỗi KH chỉ được cộng 1 lần duy nhất cho lần đầu tiên đạt phân hạng)	Phân hạng đạt Diamond	100.000 *điểm*
	Phân hạng đạt Diamond Elite	200.000 *điểm*
CÁC SẢN PHẨM ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG MAF (VPBANK PRIME)		
Chương trình quà tặng sinh nhật Khách hàng hội viên VPBank Prime	Khách hàng có phân hạng Champion	50.000 điểm/ khách hàng (mỗi khách hàng chỉ nhận 1 lần)
(**)Chương trình gia tăng phân hạng (Mỗi KH chỉ được cộng 1 lần duy nhất cho lần đầu tiên đạt phân hạng) (*)AUM/CASA bình quân tính đến tháng liền trước tháng định danh *(**) Chương trình có hiệu lực từ 01/09/2026*	Phân hạng Champion với AUM từ 500 triệu hoặc Casa bình quân tháng từ 80 triệu*	Phân hạng đạt Pre-Diamond với AUM từ 500 triệu hoặc Casa bình quân tháng từ 80 triệu*
THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ		
	Mở thẻ phi vật lý thành công	2000 điểm/thẻ. Áp dụng 1 lần/thẻ

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

Đối với đầu BIN 45411909, 45411901, 52137788, 52039506, 52137766, 41581500, 45411910, 44661484	Phát sinh tối thiểu 3 giao dịch chi tiêu thẻ ghi nợ trong tháng	10 điểm/giao dịch
	Giao dịch chi tiêu thành công	6 điểm/mỗi 1000 đồng
Đối với đầu BIN thẻ JGO - 35712405	Tích 2% điểm khi chi tiêu tại lĩnh vực: Ăn uống, mua sắm, du lịch.	Theo chính sách thẻ
TÍNH NĂNG PAY BY ACCOUNT		
Tính năng Pay by account	Giao dịch chi tiêu	6 điểm/mỗi 1000 đồng
TÍNH NĂNG SUPER SINH LỜI		
Tính năng Super Sinh Lời	Đăng ký tính năng Super Sinh lời thành công lần đầu	1000 điểm. 1 lần/ 1 CIF
Tính năng Super Sinh Lời	Đối với Phân khúc định danh Af, Private tại thời điểm giao dịch Mỗi lần được chuyển tiền tự động thành công từ tài khoản sang ngăn Super Sinh lời	20 điểm/Giao dịch
Tính năng Super Sinh Lời	Đối với Phân khúc định danh MAF tại thời điểm giao dịch Mỗi lần được chuyển tiền tự động thành công từ tài khoản sang ngăn Super Sinh lời	15 điểm/Giao dịch

Các giao dịch chi tiêu là các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân hợp pháp qua POS và Internet tại các Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT)

- Mọi giao dịch chi tiêu của chủ thẻ phụ sẽ được ghi nhận Điểm LynkiD vào chủ thẻ chính.

Không áp dụng cộng Điểm LynkiD với các giao dịch:

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

- Các giao dịch không được hệ thống VPBank ghi nhận thành công trong vòng 10 ngày kể từ ngày khách hàng thực hiện giao dịch
- Các giao dịch thực hiện qua VPBank NEO
- Các giao dịch rút tiền mặt, phí lãi, giao dịch mua xăng dầu, hay thanh toán hóa đơn điện, gas, nước, dầu sưởi…; thanh toán dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp…
- Đối với những giao dịch đã thực hiện thành công nhưng sau đó thực hiện hủy/hoàn (một phần/toàn bộ giá trị giao dịch), VPBank sẽ tính số Điểm LynkiD cần truy thu căn cứ theo tỉ lệ ưu đãi cao nhất đang áp dụng cho KH.

VPBank có quyền không cộng điểm cho các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, hoặc không đúng bản chất giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân hợp pháp qua POS và Internet tại các Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT).

5. Quy định về thời hạn hiệu lực của Điểm LynkiD:

a) Quy định chung về thời hạn:

Điểm LynkiD tích mới năm 2026 có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày tích lũy điểm, tính tới ngày cuối cùng của tháng.

Ví dụ: Thẻ tín dụng chi tiêu và Điểm LynkiD được ghi nhận từ 12 tháng 8 năm 2026 sẽ có giá trị trong 12 tháng, nếu Khách hàng không quy đổi, sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 08 năm 2027.

b) Quy định khác:

- **Đối với Sản phẩm thẻ tín dụng:** Số Điểm LynkiD qua chi tiêu thẻ tín dụng sẽ hết hạn và trở về 0 nếu Khách hàng là Khách hàng nợ xấu từ nhóm 3 trở lên (nhóm khách hàng quá hạn từ 90 ngày trở lên); hoặc Khách hàng không phát sinh bất kỳ chi tiêu nào qua thẻ tín dụng phát hành bởi VPBank liên tục trong vòng 12 tháng.

  Ví dụ: Đến năm 2026, tổng Điểm LynkiD của Khách hàng là 30.000.000 điểm, trong đó 5.000.000 điểm được tích qua sản phẩm **Thẻ tín dụng.** Tính đến thời điểm này, Khách hàng đã không phát sinh bất kỳ chi tiêu nào qua thẻ tín dụng phát hành bởi VPBank liên tục trong vòng 12 tháng.

  + **Trường hợp 1:** Số điểm đã đổi quà của Khách hàng là 10.000.000 điểm, vậy số điểm còn lại của Khách hàng trước khi trừ điểm phạt là 20.000.000 điểm (lớn hơn 5.000.000 điểm), do đó số điểm bị phạt là 5.000.000 điểm => số điểm còn lại của Khách hàng là 15.000.000 điểm.

  + **Trường hợp 2:** Số điểm đổi quà của Khách hàng là 28.000.000 điểm, vậy số điểm còn lại của Khách hàng trước khi bị phạt là 2.000.000 điểm (bé hơn 5.000.000 điểm), do đó số điểm bị phạt của Khách hàng là 2.000.000 điểm => điểm còn lại của khách hàng sẽ trở về 0.

  Áp dụng tương tự với trường hợp điểm tích qua các sản phẩm Thẻ ghi nợ, Thẻ tín dụng và Dịch vụ ngân hàng điện tử.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

Điều 11.Nguyên tắc khi thực hiện chương trình:

1. Khách hàng sử dụng nhiều sản phẩm sẽ được cộng dồn điểm của tất cả các sản phẩm đã sử dụng.
2. Mỗi lần đổi điểm, số điểm thừa còn lại có thể tích lũy tiếp cho các giao dịch thực hiện thành công tiếp theo cho đến khi có thông báo khác từ LynkiD.
3. Đối với những giao dịch xảy ra tranh chấp, khiếu nại, LynkiD sẽ tạm thời phong tỏa số điểm quy đổi từ những giao dịch này và thông báo lại cho VPBank, sau đó tùy vào tình hình xử lý tra soát, khiếu nại thực tế, VPBank sẽ quyết định tính toán hay không số điểm tích lũy này cho Khách hàng.
4. Trường hợp Khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng sản phẩm dẫn đến việc VPBank chấm dứt cung cấp sản phẩm cho Khách hàng thì số điểm tích lũy ngay lập tức không còn giá trị quy đổi theo quy định tại Điều này.
5. Trong trường hợp Khách hàng đóng mã khách hàng (CIF), điểm tích lũy cũng ngay lập tức hết hạn và không có giá trị sử dụng để quy đổi, trừ trường hợp VPBank có quy định khác.
6. VPBank có toàn quyền quyết định về phương thức tính điểm và giá trị quy đổi điểm tích lũy của Khách hàng theo chính sách của VPBank từng thời kỳ.

Điều 12.Quy định về sử dụng Điểm LynkiD để đổi quà

1. Sử dụng điểm LynkiD

a, Quà tặng có thể là hiện vật, sản phẩm, e-voucher trong kho quà LynkiD được hiển thị trên ứng dụng VPBankNEO, ứng dụng LynkiD.

Các loại quà được quy đổi từ số điểm tích lũy của Khách hàng là hiện vật không được quy đổi thành tiền mặt.

b, Khách hàng có điểm LynkiD khi tham gia đổi quà chỉ được đổi quà cho chính mình. LynkiD sẽ loại bỏ đơn quà nếu xác minh được cá nhân đổi quà và cá nhân nhận quà khác nhau.

Dành riêng KHƯT:

- KHƯT có quyền cho tặng điểm LynkID của mình cho Quỹ từ thiện (cũng là đối tượng được nhận, sử dụng điểm LynkID theo quy định của VPBank) vì mục đích từ thiện. Quỹ từ thiện nhận điểm tặng cho là Quỹ từ thiện được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật (hiện tại là theo Nghị định 93/2019/NĐ-CP), được cung cấp bởi LynkID, phải có tài khoản LynkID và đã mở tài khoản thanh toán tại VPBank

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

c, Điểm khả dụng không được ghi nhận nếu như tổng số điểm tích lũy đến thời điểm chi tiêu hợp pháp qua POS và Internet tại các Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) mà Khách hàng không cung cấp được chứng từ hợp lý theo yêu cầu. Quyết định của VPBank là quyết định cuối cùng trong mọi trường hợp.

Chính sách về sử dụng dịch vụ tích lũy điểm thưởng tại Điều 10 Thể lệ chung này của VPBank có thể được thay đổi theo từng thời kỳ. Mọi quyết định của VPBank liên quan đến các quyền này là cuối cùng, chính thức và sẽ thông báo điều chỉnh, sửa đổi (nếu có).

d, Khách hàng có thể đổi điểm lấy quà qua 02 kênh:

- Đổi qua Call Center LynkiD:1900636835;
- Đổi trên ứng dụng VPBank Neo, ứng dụng LynkiD;

e, Thời gian thực hiện khiếu nại/yêu cầu hỗ trợ về đơn quà chỉ có hiệu lực trong 30 ngày từ thời điểm đổi quà. Sau thời gian này VPBank - LynkiD mặc định Khách hàng đã nhận quà và không có trách nhiệm giải quyết khiếu nại.

2. Phương thức tra cứu Điểm/ đổi điểm LynkiD

A) Khách hàng có thể tra cứu và/hoặc đổi Điểm LynkiD trên ứng dụng/website LynkiD hoặc trên ứng dụng/webiste VPBank NEO được tích hợp, kết nối kỹ thuật với hệ thống/ứng dụng/webiste của LynkiD.

B) VPBank - LynkiD có quyền thay đổi số lượng Điểm quy đổi cho từng loại quà trên kho quà tại từng thời điểm và cập nhật thông tin trên ứng dụng VPBank NEO hoặc LynkiD để Khách hàng có thể tra cứu.

3. Quy định về Thuế TNCN của khách hàng

Không tính toán và phân bổ chi phí thuế TNCN cho tất cả các KH tham gia chương trình. Các cá nhân nhận quà tặng trong chương trình khuyến mại tích điểm đổi quà (gồm tiền mặt và hiện vật không phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước) không phải nộp thuế TNCN.

Điều 13.Các quy định khác

A) Đối với những giao dịch xảy ra tranh chấp, khiếu nại, VPBank - LynkiD sẽ tạm thời phong tỏa số điểm quy đổi từ những giao dịch này và sau đó tùy vào tình hình xử lý tra soát, khiếu nại thực tế, VPBank - LynkiD sẽ quyết định tính toán hay không số điểm tích lũy này.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

B) Trường hợp Khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng sản phẩm do VPBank- LynkiD quy định dẫn đến việc chấm dứt cung cấp sản phẩm/ dịch vụ thì số điểm tích lũy ngay lập tức không còn giá trị quy đổi ra quà tặng. Riêng với sản phẩm dịch vụ thẻ, trường hợp Khách hàng phát sinh các giao dịch nghi vấn không thuộc chi tiêu cá nhân, ngân hàng có toàn quyền thu hồi điểm liên quan đến các giao dịch này.

C) Trong trường hợp Khách hàng đóng tài khoản, điểm tích lũy cũng ngay lập tức hết hạn. Khách hàng không có quyền chuyển nhượng điểm tích lũy quy đổi sang quà nêu trên cho bất kỳ bên thứ ba nào.

D) VPBank không phải là nhà cung cấp các phiếu quà khuyến mại, phiếu mua sắm, các sản phẩm và dịch vụ quy đổi trong Chương trình và cũng sẽ không chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm, dịch vụ này.

E) Các nội dung khác không được quy định trong Thể lệ này sẽ áp dụng theo các Quy định và Quy chế hiện hành của VPBank.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

PHỤ ĐÍNH 01

DANH SÁCH SẢN PHẨM/DỊCH VỤ ÁP DỤNG THEO CHƯƠNG TRÌNH BÁN CHÉO TÍCH ĐIỂM

STT	Tên sản phẩm/ dịch vụ	Mã Product holding ghi nhận
1	Tài khoản thanh toán	PROD_CASA
2	Tài khoản trả lương	PROD_PAYROLL
3	Tiền gửi có kỳ hạn	PRODUCT_TD
4	Các loại tiền gửi khác	PROD_OTHER_SAVING
5	Vay mua ô tô	PROD_AUTO_LOAN
6	Vay mua nhà	PROD_HOME_LOAN
7	Vay kinh doanh	PROD_HOUSE_HOLD
8	Vay tiêu dùng	PROD_CONSUMP
9	Vay chứng khoán	SECURITIES_LOAN
10	Vay tín chấp	PROD_UNSECURED
11	Trái phiếu	PROD_TRAIPHIEU
12	Chứng chỉ quỹ	PROD_CCQ
13	Thẻ tín dụng	PROD_CREDIT_CARD
14	Thẻ tín dụng dành cho KHƯT	PROD_PRIORITY_CC
15	Bảo hiểm	PROD_BANCA
15	Thẻ ghi nợ	PROD_DEBIT
17	Thẻ ghi nợ dành cho KHƯT	PROD_GOLD_DEBIT
18	Ebanking	PROD_EB

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

PHỤ ĐÍNH 02

DANH SÁCH MÃ NGÀNH HÀNG LOẠI TRỪ KHÔNG TÍCH ĐIỂM VPBANK LOYALTY CHO GIAO DỊCH QUA CÁC KÊNH NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
8021 Dentists,orthodontists	8021	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
8042 Optometrists,opthamalogists	8042	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
8043 Opticians, Optical Goods, E	8043	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
8062 Hospitals	8062	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
8071 Medical & Dental Laboratori	8071	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
8099 Medical Services	8099	Health Practitioners, Medical Services - not elsewhere classified	Hospital & Medical
8211 Elementary & Secondary School	8211	Professional Services and Membership Organizations	Education
8220 Colleges,Universities	8220	Professional Services and Membership Organizations	Education
8244 Business & Secretarial School	8244	Professional Services and Membership Organizations	Education
8249 Vocational & Trade Schools	8249	Professional Services and Membership Organizations	Education
8299 Schools & Educational Servi	8299	Professional Services and Membership Organizations	Education
8398 Charitable Contributions	8398	Professional Services and Membership Organizations	Others
8641 Civic,social & Fraternal As	8641	Professional Services and Membership Organizations	Others
5698 Wig & Toupee Shops	5698	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5713 Floor Covering,rugs,and Car	5713	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
7211 Laundry Services-family & C	7211	Personal Service Providers	Others
7277 Counseling Service - Debt	7277	Personal Service Providers	Others
7321 Consumer Credit Reporting A	7321	Business Services	Others
7361 Employment Agencies	7361	Business Services	Others
7829 Motion Picture/Video Prd/Distribution	7829	Wholesale Distributors and Manufacturers	Entertainment
8675 Automobile Associations	8675	Professional Services and Membership Organizations	Automotive, motor and bike sale and service
3008 Lufthansa	3008	Airlines	Travel line
3009 Air Canada	3009	Airlines	Travel line
3015 SWISS International Airline	3015	Airlines	Travel line
3026 Emirates Airlines	3026	Airlines	Travel line
3042 Finnair	3042	Airlines	Travel line
3066 Southwest	3066	Airlines	Travel line
3161 All Nippon Airways Anaair	3161	Airlines	Travel line
3196 Hawaiian Air	3196	Airlines	Travel line
3246 RYANAIR	3246	Airlines	Travel line
3256 Alaska Airlines	3256	Airlines	Travel line
3355 SIXT CAR RENTAL	3355	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line
3530 Stouffer Corporation	3530	Hotels and Motels	Travel line
3533 Hotel Ibis	3533	Hotels and Motels	Travel line
3577 Mandarin Int`l	3577	Hotels and Motels	Travel line
3583 SAS Hotels	3583	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3590 Fairmont Hotels Corp.	3590	Hotels and Motels	Travel line
3634 Swiss Hotels	3634	Hotels and Motels	Travel line
3715 Fairfield Inn	3715	Hotels and Motels	Travel line
3716 Carlton Hotels	3716	Hotels and Motels	Travel line
4411 Cruise Lines	4411	Transportation	Travel line
4784 Tolls,road And Bridge Fees	4784	Transportation	Travel line
5044 Office/Photogr/Cpy/Micr ofile	5044	Wholesale Distributors and Manufacturers	Book stores, news, stationery & printing
5047 Lab/Medic/Dental/Opth/ Equipment	5047	Wholesale Distributors and Manufacturers	Hospital & Medical
5099 Durable Goods N-elsewhere	5099	Wholesale Distributors and Manufacturers	Electronic
5932 Antique Shops-Sales, Repair	5932	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping
5998 Tent & Awning Shops	5998	Miscellaneous Stores	Others
7338 Quick-copy & Reproduction	7338	Business Services	Book stores, news, stationery & printing
7513 Truck & Utility Trailer Ren	7513	Business Services	Others
7932 Billiard And Pool Establish	7932	Amusement and Entertainment	Entertainment
7933 Bowling Alleys	7933	Amusement and Entertainment	Entertainment
7941 Commercial Sports	7941	Amusement and Entertainment	Entertainment
8734 Testing Labs Non-medical	8734	Professional Services and Membership Organizations	Others
9222 Fines	9222	Government Services	Others
9405 Intra Government Purchases	9405	Government Services	Beauty & Spa

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
0780 Landscape And Horticultural Service	780	Government Services	Others
3011 Aeroflot	3011	Airlines	Travel line
3012 Qantas	3012	Airlines	Travel line
3047 THY (Turkey)	3047	Airlines	Travel line
3260 SPIRIT AIRLINES	3260	Airlines	Travel line
3513 Westin Hotels	3513	Hotels and Motels	Travel line
3543 Four Seasons	3543	Hotels and Motels	Travel line
3771 Caesars Hotel And Casino	3771	Hotels and Motels	Travel line
3773 Venetion Resort Hotel Casin	3773	Hotels and Motels	Travel line
3793 The Flamingo Hotels	3793	Hotels and Motels	Travel line
7032 Sporting And Recreat. Camps	7032	Hotels and Motels	Travel line
7375 Info Retrieval Services	7375	Information Retrieval Services	Others
7393 Detective Agencies	7393	Information Retrieval Services	Others
8661 Religious Organizations	8661	Information Retrieval Services	Others
3056 Jet Airways	3056	Airlines	Travel line
3132 Frontier Airlines	3132	Airlines	Travel line
3182 LOT (Poland)	3182	Airlines	Travel line
3508 Quality Int`l	3508	Hotels and Motels	Travel line
3526 Prince Hotels	3526	Hotels and Motels	Travel line
3778 Four Points Hotels	3778	Hotels and Motels	Travel line
4225 Public Warehousing—Farm Products, Refrigerated Goods, Household, Goods Storage	4225	Contracted Services	Others

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5972 Stamp & Coin Stores	5972	Miscellaneous Stores	Others
5996 Swimming Pools	5996	Miscellaneous Stores	Entertainment
6051 Foreign Currency,Money,TC's	6051	Service Providers	Others
7210 Laundry,cleaning & Garment	7210	Personal Service Providers	Others
8241 Correspondence Schools	8241	Professional Services and Membership Organizations	Education
3005 British Airways	3005	Airlines	Travel line
3016 SAS	3016	Airlines	Travel line
3102 Iberia	3102	Airlines	Travel line
5122 Drugs/Drug Propriat/Sundrier	5122	Wholesale Distributors and Manufacturers	Hospital & Medical
5193 Florist/Nursery Stock/Flower	5193	Wholesale Distributors and Manufacturers	Others
5198 Paints/Varnishes Supplies	5198	Wholesale Distributors and Manufacturers	Household Furniture
7251 Shoe Repair Shops	7251	Personal Service Providers	Fashion&Shopping
3137 Singleton	3137	Hotels and Motels	Travel line
3700 Motel 6	3700	Hotels and Motels	Travel line
7622 Electronic Repair Shops	7622	Miscellaneous Stores	Electronic
3038 Kuwait Airways	3038	Airlines	Travel line
3695 Embassy Suites	3695	Hotels and Motels	Travel line
3765 Bellagio	3765	Hotels and Motels	Travel line
3206 China Eastern Airlines	3206	Airlines	Travel line
4829 Wire Transfer Money Orders	4829	Service Providers	Others
5039 Constuction Materials N-Els	5039	Clothing Stores	Household Furniture

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5661 Shoe stores	5661	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5681 Furriers And Fur Shops	5681	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5691 Men's And Ladies's Clothing	5691	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5697 Tailors,seamstress,mending	5697	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5699 Miscellaneous Apparel & Acc	5699	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5712 Furniture,home Furnishings	5712	Miscellaneous Stores	Household Furniture
5714 Drapery & Upholstery Stores	5714	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping
5719 Miscellaneous House Furnish	5719	Miscellaneous Stores	Household Furniture
5722 Household Appliance Stores	5722	Miscellaneous Stores	Household Furniture
5732 Electronic Sales	5732	Miscellaneous Stores	Electronic
5733 Music Stores-musical Instru	5733	Miscellaneous Stores	Entertainment
5734 Record Shops	5734	Miscellaneous Stores	Entertainment
5735 Record Shops	5735	Miscellaneous Stores	Entertainment
5811 Caterers	5811	Service Providers	Dinning&Drinking
5812 Eating Places,Restaurants	5812	Miscellaneous Stores	Dinning&Drinking
5813 Drinking Places - Bars,Tave	5813	Miscellaneous Stores	Dinning&Drinking
5814 Fast Food Res. (Quick P S P	5814	Fast food restaurants	Dinning&Drinking
5994 News Dealers And Newsstands	5994	Miscellaneous Stores	Book stores, news, stationery & printing
5995 Pet Shops-pet Foods & Suppl	5995	Miscellaneous Stores	Others

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5999 Miscellaneous & specialty r	5999	Miscellaneous Stores	Others
6010 POS Cash	6010	Service Providers	Cash
6011 ATM	6011	Service Providers	Cash
6012 Member Financial Institution	6012	Service Providers	Others
6211 Security Brokers/dealers In	6211	Service Providers	Others
6300 Insurrance Sales And Underw	6300	Insurance sales, underwriting, and premiums	Insurance
6540 POI Funding Transactions (Excluding MoneySend)	6540	Service Providers	Others
7011 Hotels,Motels,Resorts-Lodgi	7011	Service Providers	Travel line
7012 Timeshares	7012	Service Providers	Real estate
7216 Dry Cleaners	7216	Personal Service Providers	Others
7221 Photographic Studios, Portr	7221	Personal Service Providers	Others
7230 Beauty Shops & Barber Shops	7230	Personal Service Providers	Beauty & Spa
7273 Dating & Escort Services	7273	Personal Service Providers	Others
7278 Buying/shopping Services	7278	Personal Service Providers	Others
7297 Massage Parlors	7297	Personal Service Providers	Beauty & Spa
7298 Health & Beauty Spas	7298	Personal Service Providers	Beauty & Spa
7299 Other Services (Not Elsewhere)	7299	Personal Service Providers	Others
7311 Advertising Services	7311	Business Services	Advertising services

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
7333 Commercial Photography,art	7333	Business Services	Others
7372 Computer And Data Processin	7372	Business Services	Others
7379 Computer Main/Repair Servic	7379	Business Services	Electronic
7392 Management, Consulting	7392	Business Services	Others
7394 Equipment Rental & Leasing	7394	Business Services	Others
7395 Photofinishing Laboratories	7395	Business Services	Others
7399 Business Services	7399	Business Services	Advertising services
7512 Automobile Rental & Leasing	7512	Business Services	Travel line
7523 Automobile Parking Lots	7523	Business Services	Automotive, motor and bike sale and service
7531 Automotive Top & Body Shops	7531	Repair Services	Automotive, motor and bike sale and service
7538 Automotive Service Shops	7538	Repair Services	Automotive, motor and bike sale and service
7542 Car Washes	7542	Repair Services	Automotive, motor and bike sale and service
7629 Electrical & Small Appl.rep	7629	Repair Services	Electronic
7631 Watch, Clock & Jewelry Repa	7631	Repair Services	Jewellery
7832 Motion Picture Theaters	7832	Motion Picture Theaters	Entertainment
7841 DVD/VIDEO TAPE RENTAL STORE	7841	Amusement and Entertainment	Entertainment

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
7911 Dance Halls, Studios	7911	Amusement and Entertainment	Entertainment
7922 Theatrical Producers	7922	Amusement and Entertainment	Entertainment
7929 Bands, Orchestras And Misce	7929	Amusement and Entertainment	Entertainment
7991 Tourist Attr. And Exhibitio	7991	Amusement and Entertainment	Duty free & tourist attraction
7992 Golf Courses - Public Video	7992	Amusement and Entertainment	Entertainment
7993 Video Amusement Game Suppli	7993	Amusement and Entertainment	Entertainment
7994 Video Games Arcades/establi	7994	Amusement and Entertainment	Entertainment
7995 Casino	7995	Amusement and Entertainment	Entertainment
7996 Amusement Parks,circuses	7996	Amusement and Entertainment	Entertainment
7997 Membership Clubs	7997	Amusement and Entertainment	Entertainment
7998 Aquariums,seaquariums	7998	Amusement and Entertainment	Entertainment
7999 Recreation Services (Not El	7999	Amusement and Entertainment	Entertainment
8011 Doctors (Not Elsewhere Clas	8011	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
8651 Political Organizations	8651	Professional Services and Membership Organizations	Others
8699 Membership Organizations	8699	Professional Services and Membership Organizations	Others
8931 Accounting,auditing Service	8931	Professional Services and Membership Organizations	Others
8999 Services,not Elsewhere Clas	8999	Professional Services and Membership Organizations	Others

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
9399 Government Services	9399	Government Services	Others
9402 Postal Services-Government	9402	Government Services	Others
1520 General Contractors—Residential and Commercial	1520	Contracted Services	Real estate
3001 American Airlines	3001	Airlines	Travel line
3004 Trans World Airlines	3004	Airlines	Travel line
3006 Japan Air Lines	3006	Airlines	Travel line
3022 Philippine Airlines	3022	Airlines	Travel line
3082 Korean Airlines	3082	Airlines	Travel line
3261 Air China	3261	Airlines	Travel line
3357 Hertz Corporation	3357	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line
3389 Avis Rent-A-Car	3389	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line
3502 Best Western Int'l	3502	Hotels and Motels	Travel line
3510 Days Inns Of America	3510	Hotels and Motels	Travel line
3572 Miyako Hotel/Kintetsu	3572	Hotels and Motels	Travel line
3615 Travelodge Motels	3615	Hotels and Motels	Travel line
3662 Circus Circus Hotel Casino	3662	Hotels and Motels	Travel line
3690 Courtyard Inns	3690	Hotels and Motels	Travel line
3703 Residence Inn	3703	Hotels and Motels	Travel line
3710 The Ritz Carlton	3710	Hotels and Motels	Travel line
3745 St. Regis Hotel	3745	Hotels and Motels	Travel line
3750 Crowne Plaza Hotels	3750	Hotels and Motels	Travel line
3751 Homewood Suites	3751	Hotels and Motels	Travel line
3779 W Hotels	3779	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
4119 Ambulance Service	4119	Hospital & Medical	Hospital & Medical
4457 Boat Rentals And Lease	4457	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line
5072 Hardware Equipment/Supplies	5072	Wholesale Distributors and Manufacturers	Others
5085 Industrial Supplies N-Else	5085	Wholesale Distributors and Manufacturers	Others
5137 Men/Women/Child Uniforms/Commercial Clothings	5137	Wholesale Distributors and Manufacturers	Fashion&Shopping
0763 Agricultural Cooperatives	763	Contracted Services	Department stores
2741 Misc-Publishing/Printing	2741	Wholesale Distributors and Manufacturers	Book stores, news, stationery & printing
3000 United Airlines	3000	Airlines	Travel line
3007 Air France	3007	Airlines	Travel line
3057 East/West Air. (Aust)	3057	Airlines	Travel line
3058 Delta	3058	Airlines	Travel line
3072	3072	Others	Travel line
3075 Singapore Airlines	3075	Airlines	Travel line
3077 Thai Airways	3077	Airlines	Travel line
3078 China Airlines	3078	Airlines	Travel line
3079 JETSTAR Airlines	3079	Airlines	Travel line
3084 Eva Air	3084	Airlines	Travel line
3098 Asiana Airlines	3098	Airlines	Travel line
3099 Cathay Pacific	3099	Airlines	Travel line
3100 Malaysian Air Sys.	3100	Airlines	Travel line
3136 Qatar Airways Company W.L.L	3136	Airlines	Travel line
3245 EASYJET	3245	Airlines	Travel line
3366 Budget Rent-A-Car	3366	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3393 National Car Rental	3393	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line
3405 Enterprise Rent-A-Car	3405	Automobile/Vehicle Rentals	Travel line
3501 Holiday Inns	3501	Hotels and Motels	Travel line
3503 Sheraton	3503	Hotels and Motels	Travel line
3504 Hilton Hotels	3504	Hotels and Motels	Travel line
3509 Marriott	3509	Hotels and Motels	Travel line
4816 Computer Network/Informatio	4816	Utilities	Utilities
4899 Cable Services	4899	Utilities	Utilities
4900 Utilities-electric,gas,wate	4900	Utilities	Utilities
5013 Motor Vehicle Parts/Supplier	5013	Wholesale Distributors and Manufacturers	Automotive, motor and bike sale and service
5021 Office And Commercial Furniture	5021	Wholesale Distributors and Manufacturers	Household Furniture
5045 Computers/Peripheral/Software	5045	Wholesale Distributors and Manufacturers	Electronic
5065 Electric Parts/Equipment	5065	Wholesale Distributors and Manufacturers	Electronic
5094 Precious Stones/Metals/Jewelery	5094	Wholesale Distributors and Manufacturers	Jewellery
5111 Stationery/Off-Supp/Printing	5111	Wholesale Distributors and Manufacturers	Book stores, news, stationery & printing
5139 Commercial Footwear	5139	Wholesale Distributors and Manufacturers	Fashion&Shopping
5169 Chemicals/Allied Prod N-Els	5169	Wholesale Distributors and Manufacturers	Others
5192 Books/Periodicals/Newspaper	5192	Wholesale Distributors and Manufacturers	Book stores, news, stationery & printing

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5199 Nondurable Goods N-Else	5199	Wholesale Distributors and Manufacturers	Department stores
5200 Home Supply,Warehouse Store	5200	Retail Stores	Household Furniture
5211 Lumber And Building Materia	5211	Retail Stores	Household Furniture
5231 Glass,paint,wallpaper Store	5231	Retail Stores	Household Furniture
5251 Hardware Stores	5251	Retail Stores	Others
5261 Nurseries,lawn & Garden	5261	Retail Stores	Others
5271 Mobile Home Dealers	5271	Retail Stores	Telephone Service/Equipment
5300 Wholesale Clubs	5300	Retail Stores	Others
5309 Duty Free Stores	5309	Retail Stores	Duty free & tourist attraction
5310 Discount stores	5310	Retail Stores	Department stores
5311 Department stores	5311	Retail Stores	Department stores
5331 Variety Stores	5331	Retail Stores	Department stores
5399 Miscellaneous General Merch	5399	Retail Stores	Department stores
5411 Grocery Stores,supermarkets	5411	Grocery Stores. Supermaket	Daily items
5422 Freezer And Locker Meat Pro	5422	Retail Stores	Daily items
5441 Candy,nut,confectionary Sto	5441	Retail Stores	Daily items
5451 Dairy Products Stores	5451	Retail Stores	Daily items
5462 Bakeries	5462	Retail Stores	Daily items

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5499 Miscellaneous Food Stores	5499	Miscellaneous Food Stores - Convenience stores, Markets, specialty Stores	Daily items
5511 Automobile & Truck Dealers	5511	Automobiles and Vehicles	Automotive, motor and bike sale and service
5521 Automobile & Truck Dealers	5521	Automobiles and Vehicles	Automotive, motor and bike sale and service
5532 Automotive Tire Stores	5532	Automobiles and Vehicles	Automotive, motor and bike sale and service
5533 Automotive Parts,acces. Sto	5533	Automobiles and Vehicles	Automotive, motor and bike sale and service
5541 Service Stations	5541	Automobiles and Vehicles	Fuel
5542 Automated Fuel Dispenser	5542	Automobiles and Vehicles	Fuel
5561 Recreational And Utility	5561	Automobiles and Vehicles	Fashion&Shopping
5571 Motorcycle Shops And Dealer	5571	Automobiles and Vehicles	Automotive, motor and bike sale and service
5611 Men's And Boys' Clothing	5611	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5621 Women's Ready-to-wear Store	5621	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5631 Women's Accessory And Speci	5631	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5641 Children's And Infant's Wea	5641	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5651 Family Clothing Stores	5651	Clothing Stores	Fashion&Shopping
5655 Sports Apparel,riding App.s	5655	Clothing Stores	Fashion&Shopping

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5912 Drug Stores,pharmacies	5912	Miscellaneous Stores	Hospital & Medical
5921 Package Stores - Beer, Liqu	5921	Miscellaneous Stores	Dinning&Drinking
5931 Used Merchandise Stores	5931	Miscellaneous Stores	Household Furniture
5940 Bicycle Shops-sales & Servi	5940	Miscellaneous Stores	Automotive, motor and bike sale and service
5941 Sporting Goods Stores	5941	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping
5942 Book Stores	5942	Miscellaneous Stores	Entertainment
5943 Stationery,office,and Schoo	5943	Miscellaneous Stores	Book stores, news, stationery & printing
5944 Jewelry Stores - Watches	5944	Miscellaneous Stores	Jewellery
5945 Hobby,toy,and Game Shops	5945	Miscellaneous Stores	Entertainment
5946 Camera And Photographic Sup	5946	Miscellaneous Stores	Electronic
5947 Gift,card,novelty And Souve	5947	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping
5948 Luggage And Leather Goods S	5948	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping
5949 Sewing,needlework,fabri c	5949	Miscellaneous Stores	Others
5950 Glassware And Crystal Store	5950	Miscellaneous Stores	Fashion&Shopping
5960 Direct Marketing-Insurance	5960	Direct Marketing- Insuarance services	Insurance
5962 Direct Marketing-Travel Related Arrangement Services	5962	Mail Order/Telephone Order Providers	Others

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
5963 Door-to-Door Sales	5963	Miscellaneous Stores	Others
5964 Direct Marketing-Catalog Merchants	5964	Mail Order/Telephone Order Providers	Others
5965 Direct Marketing-Combination	5965	Mail Order/Telephone Order Providers	Department stores
5967 Direct Marketing-Inbound Tele Marketing Merchants	5967	Mail Order/Telephone Order Providers	Department stores
5968 Direct Marketing-Continuity	5968	Mail Order/Telephone Order Providers	Department stores
5969 Direct Marketing—Other Direct Marketers—not elsewhere classified	5969	Mail Order/Telephone Order Providers	Department stores
5970 Artists Supply Stores	5970	Miscellaneous Stores	Others
5971 Art Dealers & Galleries	5971	Miscellaneous Stores	Others
5973 Religious Goods Stores	5973	Miscellaneous Stores	Others
5976 Orthopedic Goods - Artifici	5976	Miscellaneous Stores	Hospital & Medical
5977 Cosmetic Stores	5977	Miscellaneous Stores	Beauty & Spa
5983 Fuel Dealers - Fuel Oil	5983	Miscellaneous Stores	Fuel
5992 Florists	5992	Miscellaneous Stores	Department stores
5993 Cigar Stores And Stands	5993	Miscellaneous Stores	Daily items
3512 Intercontinental	3512	Hotels and Motels	Travel line
3520 Meridien	3520	Hotels and Motels	Travel line
3545 Shangri-la International	3545	Hotels and Motels	Travel line
3549 Auberge Des Gouverneusses	3549	Hotels and Motels	Travel line
3562 Comfort Hotels Int'l	3562	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3579 Hotel Mercure	3579	Hotels and Motels	Travel line
3589 DORAL GOLF RESORT	3589	Hotels and Motels	Travel line
3592 Omni International	3592	Hotels and Motels	Travel line
3598 Regent Hotels	3598	Hotels and Motels	Travel line
3637 Ramada Inns	3637	Hotels and Motels	Travel line
3640 Hyatt Hotels/Int'l	3640	Hotels and Motels	Travel line
3641 Sofitel Hotels	3641	Hotels and Motels	Travel line
3642 Novotel Sieh (Accor)	3642	Hotels and Motels	Travel line
3649 Radisson Hotels	3649	Hotels and Motels	Travel line
3665 Hampton Inns	3665	Hotels and Motels	Travel line
3721 Conrad Hotels	3721	Hotels and Motels	Travel line
3730 MGM Grand Hotel	3730	Hotels and Motels	Travel line
4011 Railroads - Freight	4011	Transportation	Travel line
4111 Local/Suburban Commuter Pas	4111	Transportation	Travel line
4112 Passenger RailwaysX	4112	Transportation	Travel line
4121 Taxicabs/limousines	4121	Transportation	Travel line
4131 Bus Lines	4131	Transportation	Travel line
4214 Motor Freight Carriers	4214	Transportation	Travel line
4215 Courier Services-air Or Gro	4215	Transportation	Travel line
4511 Airlines, Air Carriers	4511	Transportation	Travel line
4582 Airports,flying Fields	4582	Transportation	Travel line
4722 Travel Agencies And Tour Op	4722	Transportation	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
4789 Transportation Services	4789	Transportation	Travel line
4812 Telecommunication Equipment Including Telephone Sales	4812	Utilities	Telephone Service/Equipment
4814 Telecommunication Service	4814	Utilities	Utilities
5172- Petroleum and Petroleum Products	5172	Fuel	Fuel
3681 Adams Mark Hotels	3681	Hotels and Motels	Travel line
3817 Affinia	3817	Hotels and Motels	Travel line
3560 Aladdin Resort and Casino	3560	Hotels and Motels	Travel line
3788 Ala Moana Hotel	3788	Hotels and Motels	Travel line
3619 aloft (aloft hotels)	3619	Hotels and Motels	Travel line
3754 Amelia Island Plantation	3754	Hotels and Motels	Travel line
3517 Americana Hotels	3517	Hotels and Motels	Travel line
3617 America's Best Value Inn	3617	Hotels and Motels	Travel line
3614 AmericInn	3614	Hotels and Motels	Travel line
3514 Amerisuites	3514	Hotels and Motels	Travel line
3536 AMFAC Hotels	3536	Hotels and Motels	Travel line
3537 ANA Hotels	3537	Hotels and Motels	Travel line
3511 Arabella Hotels	3511	Hotels and Motels	Travel line
3670 Arcade Hotels	3670	Hotels and Motels	Travel line
3671 Arctia Hotels	3671	Hotels and Motels	Travel line
3824 Aria (Aria Resort and Casino)	3824	Hotels and Motels	Travel line
3594 Arizona Biltmore	3594	Hotels and Motels	Travel line
3805 The Atlantic	3805	Hotels and Motels	Travel line
3797 Atlantic City Hilton	3797	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3549 Auberge des Governeures	3549	Hotels and Motels	Travel line
3826 Autograph	3826	Hotels and Motels	Travel line
3728 Bally's Hotel and Casino	3728	Hotels and Motels	Travel line
3556 Barton Creek Resort	3556	Hotels and Motels	Travel line
3764 Beau Rivage Hotel and Casino	3764	Hotels and Motels	Travel line
3765 Bellagio Hotel and Casino	3765	Hotels and Motels	Travel line
3502 Best Western Hotels	3502	Hotels and Motels	Travel line
3749 Beverly Hills Hotel	3749	Hotels and Motels	Travel line
3743 Biltmore Hotel and Suites	3743	Hotels and Motels	Travel line
3620 Binion's Horseshoe Club	3620	Hotels and Motels	Travel line
3733 Boca Raton Resort	3733	Hotels and Motels	Travel line
3683 Bradbury Suites	3683	Hotels and Motels	Travel line
3547 Breakers Resort	3547	Hotels and Motels	Travel line
3727 Broadmoor Hotel	3727	Hotels and Motels	Travel line
3684 Budget Hosts Inns	3684	Hotels and Motels	Travel line
3685 Budgetel Inns	3685	Hotels and Motels	Travel line
3712 Buffalo Bill's Hotel and Casino	3712	Hotels and Motels	Travel line
3771 Caesars Hotel and Casino	3771	Hotels and Motels	Travel line
3582 California Hotel and Casino	3582	Hotels and Motels	Travel line
3672 Campanile Hotels	3672	Hotels and Motels	Travel line
3559 Candlewood Suites	3559	Hotels and Motels	Travel line
3833 Canopy by Hilton	3833	Hotels and Motels	Travel line
3757 Canyon Ranch	3757	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3744 Carefree Resorts	3744	Hotels and Motels	Travel line
3821 Caribe Royale	3821	Hotels and Motels	Travel line
3787 Caribe Royale Resort Suites & Villas	3787	Hotels and Motels	Travel line
3716 Carlton Hotels	3716	Hotels and Motels	Travel line
3763 Chateau Elan Winery and Resort	3763	Hotels and Motels	Travel line
3544 Ciga Hotels	3544	Hotels and Motels	Travel line
3662 Circus Circus Hotel and Casino	3662	Hotels and Motels	Travel line
3717 City Lodge Hotels	3717	Hotels and Motels	Travel line
3792 Claridge Casino Hotel	3792	Hotels and Motels	Travel line
3687 Clarion Hotels	3687	Hotels and Motels	Travel line
3677 Climat de France Hotels	3677	Hotels and Motels	Travel line
3747 Club Corp/Club Resorts	3747	Hotels and Motels	Travel line
3742 Club Med	3742	Hotels and Motels	Travel line
3611 C MON INN	3611	Hotels and Motels	Travel line
3552 Coast Hotel	3552	Hotels and Motels	Travel line
3736 Colorado Belle Edgewater Resort	3736	Hotels and Motels	Travel line
3562 Comfort Inns	3562	Hotels and Motels	Travel line
3688 Compri Hotels	3688	Hotels and Motels	Travel line
3538 Concorde Hotels	3538	Hotels and Motels	Travel line
3721 Conrad Hotels	3721	Hotels and Motels	Travel line
3689 Consort Hotels	3689	Hotels and Motels	Travel line
3828 Cosmopolitan of Las Vegas	3828	Hotels and Motels	Travel line
3829 Country Inn by Carlson	3829	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3690 Courtyard by Marriott	3690	Hotels and Motels	Travel line
3529 CP (Canadian Pacific) Hotels	3529	Hotels and Motels	Travel line
3750 Crowne Plaza Hotels	3750	Hotels and Motels	Travel line
3678 Cumulus Hotels	3678	Hotels and Motels	Travel line
3593 Cunard Hotels	3593	Hotels and Motels	Travel line
3832 Curio Hotels	3832	Hotels and Motels	Travel line
3629 Dan Hotels	3629	Hotels and Motels	Travel line
3510 Days Inns	3510	Hotels and Motels	Travel line
3648 De Vera Hotels	3648	Hotels and Motels	Travel line
3581 Delta Hotels	3581	Hotels and Motels	Travel line
3691 Dillon Inn	3691	Hotels and Motels	Travel line
3804 The Diplomat Country Club and Spa	3804	Hotels and Motels	Travel line
3780 Disney Resorts	3780	Hotels and Motels	Travel line
3587 Doral Hotels	3587	Hotels and Motels	Travel line
3589 Doral Golf Resort	3589	Hotels and Motels	Travel line
3623 Dorint Hotels	3623	Hotels and Motels	Travel line
3692 Doubletree	3692	Hotels and Motels	Travel line
3527 Downtowner Passport	3527	Hotels and Motels	Travel line
3693 Drury Inn	3693	Hotels and Motels	Travel line
3525 Dunfey Hotels	3525	Hotels and Motels	Travel line
3644 EconoLodges	3644	Hotels and Motels	Travel line
3694 Economy Inns of America	3694	Hotels and Motels	Travel line
3669 Eldorado Hotel and Casino	3669	Hotels and Motels	Travel line
3807 Element	3807	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3746 Eliot Hotels	3746	Hotels and Motels	Travel line
3652 Embassy Hotels	3652	Hotels and Motels	Travel line
3695 Embassy Suites	3695	Hotels and Motels	Travel line
3798 Embassy Vacation Resort	3798	Hotels and Motels	Travel line
3628 Excalibur Hotel and Casino	3628	Hotels and Motels	Travel line
3696 Excel Inn	3696	Hotels and Motels	Travel line
3621 Extended Stay	3621	Hotels and Motels	Travel line
3627 Extended Stay America	3627	Hotels and Motels	Travel line
3630 Extended Stay Deluxe	3630	Hotels and Motels	Travel line
3697 Fairfield Hotels	3697	Hotels and Motels	Travel line
3715 Fairfield Inn	3715	Hotels and Motels	Travel line
3784 First Hospitality Hotels	3784	Hotels and Motels	Travel line
3590 Fairmont Hotels	3590	Hotels and Motels	Travel line
3664 Flag Inns	3664	Hotels and Motels	Travel line
3711 Flag Inns (Australia)	3711	Hotels and Motels	Travel line
3607 Fontainebleau Resort	3607	Hotels and Motels	Travel line
3505 Forte Hotels	3505	Hotels and Motels	Travel line
3570 Forum Hotels	3570	Hotels and Motels	Travel line
3778 Four Points Hotels	3778	Hotels and Motels	Travel line
3714 Four Seasons (Australia) Hotels	3714	Hotels and Motels	Travel line
3543 Four Seasons Hotels	3543	Hotels and Motels	Travel line
3578 Frankenmuth Bavarian	3578	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3766 Fremont Hotel and Casino	3766	Hotels and Motels	Travel line
3507 Friendship Inns	3507	Hotels and Motels	Travel line
3827 Galt House	3827	Hotels and Motels	Travel line
3566 Garden Place Hotel	3566	Hotels and Motels	Travel line
3608 Gaylord Opryland	3608	Hotels and Motels	Travel line
3609 Gaylord Palms	3609	Hotels and Motels	Travel line
3610 Gaylord Texan	3610	Hotels and Motels	Travel line
3506 Golden Tulip Hotels	3506	Hotels and Motels	Travel line
3571 Grand Wailea Resort	3571	Hotels and Motels	Travel line
3753 Greenbriar Resorts	3753	Hotels and Motels	Travel line
3561 Golden Nugget	3561	Hotels and Motels	Travel line
3794 Grand Casino Hotels	3794	Hotels and Motels	Travel line
3823 Grand Sierra Resort	3823	Hotels and Motels	Travel line
3618 Great Wolf	3618	Hotels and Motels	Travel line
3799 Hale Koa Hotel	3799	Hotels and Motels	Travel line
3760 Halekulani Hotel/Waikiki Parc	3760	Hotels and Motels	Travel line
3665 Hampton Inn Hotels	3665	Hotels and Motels	Travel line
3698 Harley Hotels	3698	Hotels and Motels	Travel line
3731 Harrahs Hotels and Casinos	3731	Hotels and Motels	Travel line
3734 Harvey Bristol Hotels	3734	Hotels and Motels	Travel line
3588 Helmsley Hotels	3588	Hotels and Motels	Travel line
3616 Hermitage Hotel	3616	Hotels and Motels	Travel line
3604 Hilton Garden Inn	3604	Hotels and Motels	Travel line
3504 Hilton	3504	Hotels and Motels	Travel line
3535 Hilton International	3535	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3815 Holiday Inn Nickelodeon	3815	Hotels and Motels	Travel line
3501 Holiday Inns	3501	Hotels and Motels	Travel line
3816 Home2 Suites by Hilton	3816	Hotels and Motels	Travel line
3755 Homestead	3755	Hotels and Motels	Travel line
3800 Homestead Suites	3800	Hotels and Motels	Travel line
3751 Homewood Suites	3751	Hotels and Motels	Travel line
3595 Hospitality Inns	3595	Hotels and Motels	Travel line
3680 Hoteis Othan	3680	Hotels and Motels	Travel line
3580 Hotel Del Coronado	3580	Hotels and Motels	Travel line
3533 Hotel Ibis	3533	Hotels and Motels	Travel line
3813 Hotel Indigo	3813	Hotels and Motels	Travel line
3579 Hotel Mercure	3579	Hotels and Motels	Travel line
3541 Hotel Okura	3541	Hotels and Motels	Travel line
3546 Hotel Sierra	3546	Hotels and Motels	Travel line
3625 Hotel Universale	3625	Hotels and Motels	Travel line
3663 Hoteles El Presidente	3663	Hotels and Motels	Travel line
3548 Hotels Melia	3548	Hotels and Motels	Travel line
3638 Howard Johnson	3638	Hotels and Motels	Travel line
3602 Hudson Hotel	3602	Hotels and Motels	Travel line
3585 Hungar Hotels	3585	Hotels and Motels	Travel line
3647 Husa Hotels	3647	Hotels and Motels	Travel line
3640 Hyatt Hotels	3640	Hotels and Motels	Travel line
3812 Hyatt Place	3812	Hotels and Motels	Travel line
3540 Iberotel Hotels	3540	Hotels and Motels	Travel line
3673 IBUSZ Hotels	3673	Hotels and Motels	Travel line
3651 Imperial London Hotels	3651	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3724 Inter Nor Hotels	3724	Hotels and Motels	Travel line
3512 Intercontinental Hotels	3512	Hotels and Motels	Travel line
3675 Interhotel CEDOK	3675	Hotels and Motels	Travel line
3606 Jefferson Hotel	3606	Hotels and Motels	Travel line
3729 John Ascuagas Nugget	3729	Hotels and Motels	Travel line
3558 Jolly Hotels	3558	Hotels and Motels	Travel line
3563 Journey's End Motels	3563	Hotels and Motels	Travel line
3820 Jumeirah Essex House	3820	Hotels and Motels	Travel line
3605 Jurys Doyle Hotel Group	3605	Hotels and Motels	Travel line
3758 Kahala Mandarin Oriental Hotel	3758	Hotels and Motels	Travel line
3718 Karos Hotels	3718	Hotels and Motels	Travel line
3531 Kauai Coconut Beach Resort	3531	Hotels and Motels	Travel line
3660 Knights Inn	3660	Hotels and Motels	Travel line
3810 La Costa Resort	3810	Hotels and Motels	Travel line
3701 La Mansion Del Rio	3701	Hotels and Motels	Travel line
3516 LaQuinta Inns	3516	Hotels and Motels	Travel line
3576 La Quinta Resort	3576	Hotels and Motels	Travel line
3568 Ladbroke Hotels	3568	Hotels and Motels	Travel line
3624 Lady Luck Hotel and Casino	3624	Hotels and Motels	Travel line
3654 Loews Hotels	3654	Hotels and Motels	Travel line
3667 Luxor Hotel and Casino	3667	Hotels and Motels	Travel line
3808 LXR (Luxury Resorts)	3808	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3767 Main Street Hotel and Casino	3767	Hotels and Motels	Travel line
3818 MainStay Suites	3818	Hotels and Motels	Travel line
3777 Mandalay Bay Resort	3777	Hotels and Motels	Travel line
3577 Mandarin Oriental Hotels	3577	Hotels and Motels	Travel line
3557 Manhattan East Suite Hotels	3557	Hotels and Motels	Travel line
3668 Maritim Hotels	3668	Hotels and Motels	Travel line
3509 Marriott	3509	Hotels and Motels	Travel line
3735 Masters Economy Inns	3735	Hotels and Motels	Travel line
3520 Meridien Hotels	3520	Hotels and Motels	Travel line
3622 Merlin Hotel Group	3622	Hotels and Motels	Travel line
3661 Metropole Hotels	3661	Hotels and Motels	Travel line
3730 MGM Grand Hotel	3730	Hotels and Motels	Travel line
3613 Microtel Inn and Suites	3613	Hotels and Motels	Travel line
3699 Midway Motor Lodge	3699	Hotels and Motels	Travel line
3741 Millennium Hotels	3741	Hotels and Motels	Travel line
3551 Mirage Hotel and Casino	3551	Hotels and Motels	Travel line
3572 Miyako Hotel	3572	Hotels and Motels	Travel line
3676 Monte Carlo Hotel and Casino	3676	Hotels and Motels	Travel line
3700 Motel 6	3700	Hotels and Motels	Travel line
3639 Mount Charlotte Thistle	3639	Hotels and Motels	Travel line
3612 Moevenpick Hotels	3612	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3772 Nemacolin Woodlands	3772	Hotels and Motels	Travel line
3776 Nevele Grande Resort and Country Club	3776	Hotels and Motels	Travel line
3774 New York, New York Hotel and Casino	3774	Hotels and Motels	Travel line
3603 Noah's Hotel	3603	Hotels and Motels	Travel line
3642 Novotel Hotels	3642	Hotels and Motels	Travel line
3657 Oberoi Hotels	3657	Hotels and Motels	Travel line
3786 Ohana Hotels of Hawaii	3786	Hotels and Motels	Travel line
3592 Omni Hotels	3592	Hotels and Motels	Travel line
3732 Opryland Hotel	3732	Hotels and Motels	Travel line
3759 Orchid at Mauna Lani	3759	Hotels and Motels	Travel line
3658 New Otani Hotels	3658	Hotels and Motels	Travel line
3785 Outrigger Hotels & Resorts	3785	Hotels and Motels	Travel line
3819 Oxford Suites	3819	Hotels and Motels	Travel line
3802 The Palace Hotel	3802	Hotels and Motels	Travel line
3599 Pannonia Hotels	3599	Hotels and Motels	Travel line
3795 Paris Las Vegas Hotel	3795	Hotels and Motels	Travel line
3553 Park Inn by Radisson	3553	Hotels and Motels	Travel line
3830 Park Plaza Hotel	3830	Hotels and Motels	Travel line
3781 Patricia Grand Resort Hotels	3781	Hotels and Motels	Travel line
3752 Peabody Hotels	3752	Hotels and Motels	Travel line
3523 Peninsula Hotels	3523	Hotels and Motels	Travel line
3653 Penta Hotels	3653	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3796 Peppermill Hotel Casino	3796	Hotels and Motels	Travel line
3554 Pinehurst Resort	3554	Hotels and Motels	Travel line
3811 Premier Inn	3811	Hotels and Motels	Travel line
3761 Primadonna Hotel and Casino	3761	Hotels and Motels	Travel line
3526 Prince Hotels	3526	Hotels and Motels	Travel line
3584 Princess Hotels International	3584	Hotels and Motels	Travel line
3806 Princeville Resort	3806	Hotels and Motels	Travel line
3719 Protea Hotels	3719	Hotels and Motels	Travel line
3519 Pullman International Hotels	3519	Hotels and Motels	Travel line
3508 Quality Inns	3508	Hotels and Motels	Travel line
3713 Quality Pacific Hotel	3713	Hotels and Motels	Travel line
3645 Queens Moat Houses	3645	Hotels and Motels	Travel line
3649 Radisson	3649	Hotels and Motels	Travel line
3583 Radisson BLU	3583	Hotels and Motels	Travel line
3790 Raffles Hotels	3790	Hotels and Motels	Travel line
3637 Ramada Inns	3637	Hotels and Motels	Travel line
3633 Rank Hotels	3633	Hotels and Motels	Travel line
3674 Rantasipi Hotels	3674	Hotels and Motels	Travel line
3528 Red Lion Inns	3528	Hotels and Motels	Travel line
3650 Red Roof Inns	3650	Hotels and Motels	Travel line
3550 Regal 8 Inns	3550	Hotels and Motels	Travel line
3598 Regent International Hotel	3598	Hotels and Motels	Travel line
3702 Registry Hotels	3702	Hotels and Motels	Travel line
3565 Relax Inns	3565	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3530 Renaissance Hotels	3530	Hotels and Motels	Travel line
3703 Residence Inn	3703	Hotels and Motels	Travel line
3635 Reso Hotel	3635	Hotels and Motels	Travel line
3723 Rica Hotels	3723	Hotels and Motels	Travel line
3726 Rio Suites	3726	Hotels and Motels	Travel line
3597 Riverside Resort and Casino	3597	Hotels and Motels	Travel line
3737 Riviera Hotel and Casino	3737	Hotels and Motels	Travel line
3515 Rodeway Inns	3515	Hotels and Motels	Travel line
3782 Rosen Hotels and Resorts	3782	Hotels and Motels	Travel line
3542 Royal Hotels	3542	Hotels and Motels	Travel line
3532 Royal Kona Resort	3532	Hotels and Motels	Travel line
3521 Royal Lahaina Resort	3521	Hotels and Motels	Travel line
3704 Royce Hotels	3704	Hotels and Motels	Travel line
3600 Saddlebrook Resort—Tampa	3600	Hotels and Motels	Travel line
3682 Sahara Hotel and Casino	3682	Hotels and Motels	Travel line
3564 Sam's Town Hotel and Casino	3564	Hotels and Motels	Travel line
3573 Sandman Hotels	3573	Hotels and Motels	Travel line
3705 Sandman Inn	3705	Hotels and Motels	Travel line
3775 Sands Resort	3775	Hotels and Motels	Travel line
3656 Sara Hotels	3656	Hotels and Motels	Travel line
3636 Sarova Hotels	3636	Hotels and Motels	Travel line
3655 Scandic Hotels	3655	Hotels and Motels	Travel line
3725 Sea Pines Resort	3725	Hotels and Motels	Travel line
3809 Settle Inn	3809	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3545 Shangri-La International	3545	Hotels and Motels	Travel line
3503 Sheraton (Sheraton Hotels)	3503	Hotels and Motels	Travel line
3706 Shilo Inn	3706	Hotels and Motels	Travel line
3707 Shoney's Inn	3707	Hotels and Motels	Travel line
3679 Silver Legacy Hotel and Casino	3679	Hotels and Motels	Travel line
3768 Silver Star Hotel and Casino	3768	Hotels and Motels	Travel line
3631 Sleep Inns	3631	Hotels and Motels	Travel line
3789 Smugglers' Notch Resort	3789	Hotels and Motels	Travel line
3641 Sofitel Hotels	3641	Hotels and Motels	Travel line
3567 Soho Grand Hotel	3567	Hotels and Motels	Travel line
3586 Sokos Hote	3586	Hotels and Motels	Travel line
3518 Sol Hotels	3518	Hotels and Motels	Travel line
3591 Sonesta Hotels	3591	Hotels and Motels	Travel line
3534 Southern Pacific Hotel	3534	Hotels and Motels	Travel line
3720 Southern Sun Hotels	3720	Hotels and Motels	Travel line
3770 SpringHill Suites	3770	Hotels and Motels	Travel line
3745 St. Regis Hotel	3745	Hotels and Motels	Travel line
3666 Stakis Hotels	3666	Hotels and Motels	Travel line
3791 Staybridge Suites	3791	Hotels and Motels	Travel line
3643 Steigenberger Hotels	3643	Hotels and Motels	Travel line
3769 Stratosphere Hotel and Casino	3769	Hotels and Motels	Travel line
3626 Studio Plus	3626	Hotels and Motels	Travel line
3539 Summerfield Suites Hotel	3539	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3686 Susse Chalet	3686	Hotels and Motels	Travel line
3709 Super 8 Motels	3709	Hotels and Motels	Travel line
3646 Swallow Hotels	3646	Hotels and Motels	Travel line
3634 Swissotel	3634	Hotels and Motels	Travel line
3659 Taj Hotels International	3659	Hotels and Motels	Travel line
3793 The Flamingo Hotels	3793	Hotels and Motels	Travel line
3632 The Phoenician	3632	Hotels and Motels	Travel line
3710 The Ritz-Carlton	3710	Hotels and Motels	Travel line
3814 The Roosevelt Hotel NY	3814	Hotels and Motels	Travel line
3783 Town and Country Resort & Convention Center	3783	Hotels and Motels	Travel line
3522 Tokyo Hotel	3522	Hotels and Motels	Travel line
3740 TownePlace Suites	3740	Hotels and Motels	Travel line
3601 TradeWinds Resorts	3601	Hotels and Motels	Travel line
3615 Travelodge	3615	Hotels and Motels	Travel line
3555 Treasure Island Hotel and Casino	3555	Hotels and Motels	Travel line
3569 Tribeca Grand Hotel	3569	Hotels and Motels	Travel line
3738 Tropicana Resort and Casino	3738	Hotels and Motels	Travel line
3575 Vagabond Hotels	3575	Hotels and Motels	Travel line
3825 Vdara (Vdara Hotel and Spa)	3825	Hotels and Motels	Travel line
3773 Venetian Resort Hotel and Casino	3773	Hotels and Motels	Travel line
3574 Venture Inn	3574	Hotels and Motels	Travel line
3708 Virgin River Hotel and Casino	3708	Hotels and Motels	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
3779 W Hotels	3779	Hotels and Motels	Travel line
3831 Waldorf	3831	Hotels and Motels	Travel line
3524 WelcomGroup Hotels	3524	Hotels and Motels	Travel line
3748 Wellesley Inns	3748	Hotels and Motels	Travel line
3513 Westin (Westin Hotels)	3513	Hotels and Motels	Travel line
3762 Whiskey Pete's Hotel and Casino	3762	Hotels and Motels	Travel line
3803 The Wigwam Golf Resort and Spa	3803	Hotels and Motels	Travel line
3801 Wilderness Hotel and Golf Resort	3801	Hotels and Motels	Travel line
3739 Woodside Hotels and Resorts	3739	Hotels and Motels	Travel line
3722 Wyndham	3722	Hotels and Motels	Travel line
3596 Wynn Las Vegas	3596	Hotels and Motels	Travel line
8041—Chiropractors	8041	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
0742—Veterinary Services	742	Contracted Services	Hospital & Medical
MCC 8049—Chiropodists, Podiatrists	8049	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
MCC 8050—Nursing and Personal Care Facilities	8050	Professional Services and Membership Organizations	Hospital & Medical
3429 - Insurance Rent-A-Car	3429	Contracted Services	Travel line

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

PHỤ ĐÍNH 03

DANH SÁCH MÃ NGÀNH ÁP DỤNG TÍCH ĐIỂM VPBANK LOYALTY CHO THẺ VPBANK FLEXCARD

STT	Lĩnh vực	Danh mục	Mã ngành áp dụng (MCC Code)
1	Ăn uống	Ăn uống	5441, 5451, 5462, 5811, 5812, 5814
		Đặt đồ ăn	
2	Du lịch	Thanh toán vé máy bay	4511, 3026, 3084, 3078, 3136, 3075, 3079, 3000, 3099, 3082, 3006, 3007, 3161, 3077, 3047, 3001, 3022, 3058, 3009, 3008, 3066, 3050, 3246, 3051, 3256, 3260, 3206, 3020, 3005, 3100, 3012, 3025, 3010, 3098, 3015, 3245, 3132, 3014, 3180, 3013, 3144, 3032, 3031, 3102, 3034, 3042, 3261, 3076, 3016, 3029, 3294, 3182, 3043, 3196, 3299, 3217, 3037, 3044, 3028, 3090, 3103, 3030, 3038, 3017, 3219
		Dịch vụ lưu trú	4722, 7011, 3745, 3590, 3641, 3526, 3716, 3548, 3519, 3530, 3780, 3658, 3579, 3577, 3692, 3655, 3551, 3750, 3533, 3778, 3779, 3572, 3687, 3649, 3628, 3544, 3592, 3541, 3573, 3511, 3771, 3591, 3586, 3612, 3709, 3659, 3773, 3795, 3731, 3747, 3793, 3552, 3555, 3790, 3832, 3700, 3581, 3654, 3741, 3697, 3782, 3652, 3542, 3777, 3518
3	Thể thao	Đăng ký hội viên phòng tập	7997, 7941, 7298, 8049, 7911, 7032
		Trang phục, dụng cụ thể thao	5941, 5655
4	Mua sắm	Thời trang	5137, 5139, 5561, 5611, 5621, 5631, 5641, 5651, 5661, 5681, 5691, 5697, 5698, 5699, 5713, 5714, 5932, 5947, 5948, 5950, 7251, 7296
		Mỹ phẩm & nước hoa	5122, 5977

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

PHỤ ĐÍNH 04

DANH SÁCH MÃ NGÀNH HÀNG LOẠI TRỪ KHÔNG TÍCH ĐIỂM VPBANK LOYALTY CHO GIAO DỊCH THẺ

SIC_CODE	SIC_ID	MasterCard_categ	MCC category
4816 Computer Network/Informatio	4816	Utilities	Utilities
4899 Cable Services	4899	Utilities	Utilities
4900 Utilities-electric,gas,wate	4900	Utilities	Utilities
4814 Telecommunication Service	4814	Utilities	Utilities
5541 Service Stations	5541	Automobiles and Vehicles	Fuel
5542 Automated Fuel Dispenser	5542	Automobiles and Vehicles	Fuel
5983 Fuel Dealers - Fuel Oil	5983	Miscellaneous Stores	Fuel
5172- Petroleum and Petroleum Products	5172	Fuel	Fuel
4812 Telecommunication Equipment Including Telephone Sales	4812	Utilities	Telephone Service/Equipment
5271 Mobile Home Dealers	5271	Retail Stores	Telephone Service/Equipment

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

PHỤ ĐÍNH 05

DANH SÁCH MÃ NGÀNH ÁP DỤNG TÍCH ĐIỂM VPBANK LOYALTY CHO THẺ VPBANK GAMEON MASTERCARD

Bảng 1: Danh sách mã ngành áp dụng ưu đãi tặng điểm:

STT	Lĩnh vực	Danh mục	Mã ngành áp dụng (MCC)
1	Chi tiêu giải trí số	Giải trí	5815, 5816, 5817, 5818, 7841, 5734
2	Chi tiêu tại của hàng điện tử	Điện tử	5045, 5065, 5732, 5997, 7372, 7379, 7622, 7629
3	Ăn uống	Ăn uống	5813, 5814, 5921, 5812, 5811, 5462
4	Giao dịch không tiếp xúc qua ví (Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay,…)	Tokenization	Loại trừ các mã danh mục thuộc bảng 2

Bảng 2: Danh sách mã danh mục không được tính tích điểm

6011 ATM
5172 Petroleum/Petrol Products
5541 Service Stations
5542 Automated Fuel Dispenser
5983 Fuel Dealers - Fuel Oil
4812 Telephone Service/Equip....
5271 Mobile Home Dealers
4814 Telecommunication Service
4816 Computer Network/Informatio

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

4899 Cable Services
4900 Utilities-electric,gas,wate
2012 Giao dịch qua VPBank NEO

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.